

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MAI SƠN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/HNGĐ-ST
Ngày 21 tháng 02 năm 2022
V/v xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Văn Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Văn Sơ
2. Ông Bùi Nguyên Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 74/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2021 về việc xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Tòng Thị B. Sinh năm 1983. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: bản S, xã S, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Nơi ở hiện nay: Bản Đ, xã C, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Lò Văn Đ, sinh năm 1984. Địa chỉ: bản S, xã S, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt, có yêu cầu đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 11 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Tòng Thị B trình bày như sau:

Về tình cảm, chị và anh Lò Văn Đ kết hôn năm 2008 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, không bị ai ép buộc. Anh chị có đi đăng ký kết hôn vào ngày 14/7/2008 tại

UBND xã C, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La và được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Anh chị chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2013 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Đ say rượu về đánh đập chị, đốt quần áo của chị, không chịu khó làm ăn nên cuộc sống vợ chồng có nhiều bất đồng và ngày càng căng thẳng hơn. Vợ chồng chị đã được hai bên gia đình hòa giải, khuyên bảo nhưng không thành nên anh chị đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Trong thời gian ly thân, chị và anh Đ thỉnh thoảng liên hệ với nhau để nói về thủ tục ly hôn. Nay chị B xác định tình cảm không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung, anh chị có 01 con chung là cháu Lò Anh D, sinh ngày 19/4/2009. Trong thời gian ly thân, cháu đang ở cùng bố và ông bà nội. Chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu. Trường hợp anh Đ muốn nuôi con và cháu cũng đồng ý thì chị nhất trí cho cháu ở với bố nhưng anh Đ phải cam kết nuôi dưỡng và cho con ăn học đầy đủ.

Về tài sản chung: Chị xác nhận vợ chồng không có tài sản chung.

Về nợ chung: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng chị có 01 khoản nợ chung 30.000.000VNĐ tại Ngân hàng chính sách xã hội huyện Mai Sơn. Chị đã thanh toán xong cho Ngân hàng nên đề nghị anh Đ có trách nhiệm thanh toán cho chị 15.000.000VNĐ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/12/2021, bị đơn anh Lò Văn Đ trình bày:

Về tình cảm, anh Đ xác định anh và chị B kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc được khoảng 08 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng sống xa nhau trong thời gian đi làm ăn xa, anh liên hệ về nhà không được, khi về thì chị B có yêu cầu xin ly hôn. Anh cho rằng vợ chồng không tin tưởng nhau nên xảy ra cãi vã. Sau khi được hai bên gia đình hòa giải, cả hai đều xác định không thể chung sống được nên đã sống ly thân được khoảng hơn 01 năm nay và không còn quan tâm nhau. Nay chị B có yêu cầu xin ly hôn, anh cũng nhất trí.

Về con chung, anh chị có 01 con chung là cháu Lò Anh D, sinh ngày 19/4/2009. Trong thời gian ly thân, cháu ở cùng anh Đ và ông bà nội. Nếu ly hôn, anh có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị B phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung: Anh xác nhận không có tài sản chung.

Về nợ chung: Hiện không còn nợ chung. Đối với số tiền chị B đã thanh toán cho Ngân hàng chính sách, anh nhất trí thanh toán cho chị số tiền 15.000.000VNĐ nhưng chưa có khả năng thanh toán ngay. Anh đề nghị thanh toán dần cho chị số tiền này.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, con chung, tài sản chung và nợ chung vợ chồng của anh Đ, chị B tại bản S, xã S, huyện Mai Sơn. Qua xác minh tại Ban quản lý bản xác định: Anh Đ và chị B kết hôn năm 2008 và sinh sống tại bản S, xã S. Trong thời gian hôn nhân, chị B và anh Đ có xảy ra mâu thuẫn vợ chồng, Ban quản lý bản đã 03 lần hòa giải nhưng không thành, vợ chồng vẫn giữ nguyên quan điểm ly hôn. Theo ông, mâu thuẫn vợ chồng là do ghen tuông, anh Đ thường xuyên sử dụng rượu và có lần đánh chị B. Hiện nay, chị B đã chuyển về gia đình bố mẹ đẻ tại bản Đ, xã C sinh sống khoảng 01 năm. Về con chung, anh chị có 01 con chung, hiện do anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Về tài sản chung: Khi kết hôn, chị B về ở cùng anh Đ, những tài sản đã có từ trước. Về nợ chung, không nắm được.

Ngoài ra, Tòa án tiến hành ghi ý kiến của con chung chưa thành niên trên 07 tuổi, cháu Lò Anh D có nguyện vọng được ở với cả bố và mẹ.

Do các đương sự chưa thống nhất được toàn bộ việc giải quyết vụ án nên vụ án được đưa ra xét xử theo quy định.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử theo hướng: Cho ly hôn giữa chị Tòng Thị B và anh Lò Văn Đ. Về con chung: Giao cháu Lò Anh D, sinh ngày 19/4/2009 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành. Chị B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau anh Đ không yêu cầu. Về tài sản chung vợ chồng: Không có. Về nợ chung: Không có. Anh Đ có trách nhiệm

thanh toán cho chị B số tiền 15.000.000VNĐ do chị B đã thanh toán tiền nợ chung trước thời điểm giải quyết ly hôn. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí xin ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Xét yêu cầu khởi kiện được xác định trong đơn khởi kiện và lời khai của nguyên đơn về việc xin ly hôn và vấn đề về con chung với anh Lò Văn Đ có nơi cư trú tại Bản S, xã S, huyện Mai Sơn. Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn thụ lý vụ án hôn nhân gia đình và xác định quan hệ pháp luật là ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn là đúng quy định của pháp luật.

Nguyên đơn và bị đơn đều có đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về yêu cầu xin ly hôn:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Tòng Thị B và anh Lò Văn Đ kết hôn với nhau từ năm 2008 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và không bị ai ép buộc. Anh chị đã được UBND xã C, huyện Mai Sơn cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 14/7/2008. Khi kết hôn hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó anh chị là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn hai anh, chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Chị B cho rằng mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ việc anh Đ uống rượu say, đánh chị, không chịu khó làm kinh tế nên phát sinh nhiều bất đồng trong cuộc sống. Anh Đ cho rằng mâu thuẫn là do vợ chồng không tin tưởng nhau trong thời gian anh đi làm xa. Cả anh chị đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không thành, anh chị đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Trong thời gian ly thân, không ai còn quan tâm đến nhau. Nay chị B có nguyện vọng ly hôn, anh Đ không có biện pháp hàn gắn tình cảm, nhất trí ly hôn với chị B. Qua xác minh tại ban quản lý bản S, xã S xác định: Chị B và anh Đ có mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân do ghen tuông, anh Đ uống rượu đánh chị B. Mâu thuẫn của anh chị đã được ban quản lý bản hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Hiện tại, anh chị đã sống ly thân được khoảng 01 năm. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh Đ và chị B đã trầm trọng, mục đích của

hôn nhân không đạt được, do đó cần căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cho ly hôn giữa chị Tòng Thị B và anh Lò Văn Đ.

[2.2] *Về con chung*: Chị B và anh Đ có 01 con chung là cháu Lò Anh D, sinh ngày 19/4/2009. Trong quá trình giải quyết vụ án, cả hai anh chị đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu D. Qua xác minh, trong thời gian ly thân, cháu D ở cùng với bố và ông bà nội tại Bản S, xã S. Cháu D hiện đã trên 07 tuổi, khi được hỏi về nguyện vọng muốn được sống cùng với ai, cháu D có nguyện vọng ở cùng với cả bố và mẹ.

Hội đồng xét xử xét thấy, anh Đ cư trú rõ ràng, ổn định, trong thời gian hai vợ chồng ly thân, cháu D do bố trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Chị B mặc dù có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng không chứng minh được khả năng nuôi dưỡng con chung như có nơi ở và những điều kiện khác về khả năng nuôi con. Hiện tại anh Đ có nhà ở ổn định, con chung đang sống cùng với anh Đ và ông bà nội tại bản S, xã S, Mai Sơn. Do đó cần giao cháu Lò Anh D, sinh ngày 14/9/2009 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Chị B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Đ do anh Đ không yêu cầu.

[2.3] *Về tài sản chung*: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị B và anh Đ đều xác nhận không có tài sản chung, do đó tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và có người khởi kiện thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác

[2.3] *Về nợ chung*: Quá trình giải quyết vụ án, anh Đ và chị B đều xác nhận vợ chồng có 01 khoản nợ chung 30.000.000VNĐ của Ngân hàng chính sách xã hội huyện Mai Sơn. Tuy nhiên, khoản nợ này chị B đã thanh toán xong cho Ngân hàng trước thời điểm ly hôn, thể hiện tại 02 giấy giao dịch ngày 18/11/2021. Chị B yêu cầu anh Đ phải thanh toán cho chị 15.000.000VNĐ tiền nợ chung chị đã thanh toán, anh Đ cũng nhất trí nhưng có nguyện vọng thanh toán dần. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của chị B, buộc anh Đ có trách nhiệm thanh toán cho chị B số tiền 15.000.000VNĐ.

[2.5] *Về án phí*: Chị Tòng Thị B phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các Điều 147, 238, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Các Điều 56, Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Tòng Thị B và anh Lò Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Lò Anh D, sinh ngày 19/4/2009 cho anh Lò Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành. Chị B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Đ do anh Đ không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, chị B được quyền thăm nom con, không ai được cản trở chị thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung vợ chồng: Chị Bó, anh Đ xác nhận không có tài sản chung nên Tòa án không xem xét, giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp về tài sản chung và có người khởi kiện thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác.

4. Về nợ chung: Anh Lò Văn Đ có trách nhiệm thanh toán cho chị Tòng Thị B số tiền 15.000.000VNĐ (Mười năm triệu đồng) tiền nợ chung chị B đã thanh toán cho Ngân hàng chính sách xã hội trước thời điểm giải quyết ly hôn.

5. Về án phí: Chị Tòng Thị B phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 VNĐ (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001305 ngày 29 tháng 11 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Buộc anh Lò Văn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa phản nghĩa vụ phải chịu là 750.000VNĐ (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày chị B có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Đ không tự nguyện trả số tiền trên thì hàng tháng anh Đ còn phải chịu một khoản tiền lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, án văn.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nông Văn Thịnh